

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 4024/QĐ-CDVL ngày 25 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Long)

Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật nhiệt
Mã ngành: 5510211

Vĩnh Long, 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT NHIỆT

Mã ngành, nghề: 5510211

Trình độ đào tạo: Trung Cấp

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở trở lên.

Thời gian đào tạo: 2 (năm học)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

- Đào tạo sinh viên chấp hành tốt đường lối, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy chế, quy định, nội quy của cơ quan, đơn vị.
- Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có ý thức và kiến thức cơ bản về quốc phòng - an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và tác phong công nghiệp.
- Hợp tác, thân thiện, khiêm tốn trong giao tiếp với cộng đồng.
- Có ý thức rèn luyện sức khỏe để đảm bảo yêu cầu công tác lâu dài.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Chương trình đào tạo sẽ cung cấp cho sinh viên lượng kiến thức đại cương, cơ sở và chuyên môn, từ đó giúp cho sinh viên ứng dụng kiến thức và kỹ năng học được ở trường vào thực tiễn một cách hiệu quả nhất.
- Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học. Có tiềm lực để không ngừng hoàn thiện trình độ đào tạo liên thông lên trình độ đại học.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp đạt được trình độ cần thiết để hoạt động và công tác có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như đảm nhiệm các công việc về điện lạnh dân dụng, bảo dưỡng, sửa chữa được các thiết bị điện, điện lạnh gia dụng và công nghiệp ...

2. Khối lượng kiến thức toàn khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 19
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 65 Tín Chỉ
- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1545 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 444 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1101 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
VDT5001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
VDT5002	Pháp luật	1	15	9	5	1
VDT5003	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
VDT5004	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
VDT5005	Tin học	2	45	15	29	1
VDT5007	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1)	2	45	15	28	2
VDT5008	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2)	2	45	15	28	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	53	1290	350	914	26
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	22	420	232	174	14
VKT5101	Kỹ thuật đo lường điện lạnh	3	60	30	28	2
VKT5102	Vật liệu điện lạnh	2	30	28	0	2
VKT5103	Kỹ thuật Nhiệt lạnh	2	30	28	0	2
VKT5104	Hàn hơi điện lạnh	4	120	0	118	2
VKT5105	An toàn điện lạnh	2	30	28	0	2
VKT5106	Lý thuyết mạch điện máy lạnh - tủ lạnh	6	90	88	0	2
KT59910	Điều khiển lập trình PLC	3	60	30	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	27	690	118	562	10
VKT5108	Lý Thuyết điện lạnh gia dụng	6	90	88	0	2
VKT5109	Kỹ thuật lạnh công nghiệp	4	90	30	58	2
VKT5110	Thực hành mạch điện hệ thống lạnh cơ bản - nâng cao	5	150	0	148	2

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
/KT5111	Thực hành tủ lạnh cơ bản - nâng cao	6	180	0	178	2
/KT5112	Hệ thống điều hòa không khí cục bộ	6	180	0	178	2
IL3	Thực tập tốt nghiệp: (8 tuần)	4	180	0	178	2
/TN5000	Thực tập tốt nghiệp: (8 tuần)	4	180	0	178	2
Tổng cộng toàn khoá		65	1,545	444	1,062	39

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành để áp dụng thực hiện:

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

+ 01 tín chỉ thực tập/rèn nghề tại doanh nghiệp tương đương với 45 giờ thực học.

+ Thời gian đào tạo: 1,5 năm đến 2 năm

+ Thời gian học tập: 88 tuần

+ Thời gian thực học tối thiểu: 1.545 giờ.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:

+ Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1

+ Kiểm tra định kỳ: hệ số 2

+ Điểm trung bình kiểm tra = $[\text{kiểm tra thường xuyên} + (\text{kiểm tra định kỳ} * 2)]/3$

+ Thi kết thúc môn học

+ Điểm TB cuối môn = $(\text{trung bình kiểm tra} * 0.4) + (\text{Điểm thi kết thúc môn học} * 0.6)$

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (theo thang điểm 10)	Điểm chữ	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
0,0 – 3,9	F	0,0

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ:

Thực hiện Chương II (Điều 19 – 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.


+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

T.M KHOA KỸ THUẬT


Nguyễn Thanh Phong

T.M TỔ BIÊN SOẠN


Phạm Văn Trung

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



ThS. Trần Minh Cổ